

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHUYỂN GIAO CHO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ VÀ SỞ TÀI CHÍNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ VÀ KHAI THÁC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
	TỔNG SỐ: 51								
I	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố								
1	Khu vực 3, đường Trần Nguyên Hân, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ (trước đây là Khu vực 3, đường Trần Nguyên Hân, phường Châu Văn Liêm, thành phố Cần Thơ)	2060,10		1.325,00	23.558.026.347	19.820.790.242	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
2	Địa chỉ: Ấp Thới Hòa C, xã Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (trước đây là Ấp Thới Hòa, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ)	2027,50		1.325,00	16.662.426.080	10.684.558.669	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
3	Địa chỉ: Ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ)	1.588,00		1.325,00	13.553.786.472	8.559.980.900	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
4	Địa chỉ: Ấp 3, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp 3, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang)	1.158,70		1.325,00	9.668.636.485	7.064.519.516	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
5	Địa chỉ: Ấp 1, xã Vĩnh Viễn, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp 1, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang)	2.541,30		1.325,00	25.520.545.779	21.839.895.298	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
6	Địa chỉ: Đường tỉnh 939, xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ (trước đây là Đường tỉnh 939, ấp Mỹ Tân, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng)	2.340,00		1.325,00	17.259.357.855	13.552.192.731	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
7	Địa chỉ: Xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng)	1.986,50		1.325,00	15.444.208.147	10.508.544.813	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
8	Địa chỉ: xã An Thạnh, thành phố Cần Thơ (trước đây là Đoàn Thể Trung, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng)	1.860,00		1.325,00	8.840.715.190	6.508.809.999	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
9	Địa chỉ: Đường 30/4 nối dài, khóm 1, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ (trước đây là Đường 30/4 nối dài, khóm 1, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng)	1.740,70		1.325,00	16.882.565.414	13.201.886.422	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
10	Địa chỉ: Số 04, Phạm Văn Đồng, khóm 3, phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ (trước đây là số 04, Phạm Văn Đồng, khóm 3, phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	2.100,00		1.325,00	7.208.696.916	5.242.518.727	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4318/QĐ-BTC ngày 29/12/2025
11	Địa chỉ: Phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ)	400,00		1.325,00	13.077.388.974	10.652.736.420	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
12	Địa chỉ: Đường Phan Văn Trị, Xã Phong Điền, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Đường Phan Văn Trị, Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ)	992,30		1.325,00	8.272.770.000	3.402.658.674	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
13	Địa chỉ: Xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang)	806,00		1.325,00	5.104.268.000	3.399.300.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
14	Địa chỉ: Xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang)	638,00		1.325,00	7.204.872.713	3.274.168.593	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
15	Địa chỉ: Xã Phú Lợi, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Đường Trần Hưng Đạo, phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)	1.090,50		1.325,00	9.459.432.589	3.918.926.441	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
16	Địa chỉ: Xã Phú Lợi, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Đường Trần Hưng Đạo, phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)	1.195,40		1.325,00	21.340.665.246	16.927.276.027	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
17	Địa chỉ: Phường Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Đường Lê Lợi, Thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)	634,60		1.325,00	4.527.075.000	4.127.500.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
18	Địa chỉ: Xã An Thạnh, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại ấp Phước Hòa B, Thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng)	1.362,30		1.325,00	16.177.508.705	14.135.895.207	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
19	Địa chỉ: số 43 Đường Võ Văn Kiệt, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại 43 Đường Võ Văn Kiệt, phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang)	1.500,00		1.325,00	37.563.216.794	32.265.686.183	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
20	Địa chỉ: Xã Vĩnh Viễn, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại ấp 1, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang)	2.565,90		1.325,00	18.973.541.747	17.718.383.781	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
21	Địa chỉ: Xã Hòa Tú, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại ấp Hòa Phông, xã Hào Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)	2.400,00			2.400.000.000	2.400.000.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
22	Địa chỉ: ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ (trước đây là: ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ cũ).	841,30		434,06	6.561.496.847	5.760.562.501	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4394/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
23	Địa chỉ: ấp Phước Hòa B, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ (trước đây là: ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cũ).	400,00		255,20	2.929.750.526	1.255.063.286	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4394/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
24	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền (cũ), địa chỉ: đường Chiêm Thành Tấn, xã Phong Điền, thành phố Cần Thơ	919,90		800,00	11.470.430.408	16.047.442.328	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
25	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai (cũ), địa chỉ: Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ	2.130,00		500,00	7.204.376.500	5.342.015.085	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
26	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thốt Nốt (cũ), địa chỉ: Khu vực Thới An 1, phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	1.205,40		752,00	12.269.196.296	7.452.745.454	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
27	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh (cũ), địa chỉ: Ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	968,00		452,00	8.961.164.991	5.769.600.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
28	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, địa chỉ: Ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ	560,00		152,00	4.217.815.000	3.640.000.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
29	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung (cũ), địa chỉ: Ấp Phước Hòa B, xã An Thạnh, thành phố Cần Thơ	1.497,20		251,00	6.053.397.994	4.791.040.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
30	Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh (cũ), địa chỉ: 153, đường Trần Ngọc Quế, KV8, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ	1.995,20		810,00	21.966.414.000	14.764.723.755	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
31	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy (cũ), địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ	1.147,00		239,00	4.960.416.727	2.330.895.184	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025
32	Địa chỉ cũ tại số 23 đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 23 đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, phường Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ)	893,60			722.000.000	722.000.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Tòa án nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 341/QĐ-TANDTC ngày 26/12/2025
33	Địa chỉ cũ tại số 151 đường Trần Ngọc Quế, Khu vực 6, Phường III, Thành phố Vị Thanh (nay là số 151 đường Trần Ngọc Quế, Phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ)	4.636,60		1.627,80	16.850.517.640	8.410.978.560	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Tòa án nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 341/QĐ-TANDTC ngày 26/12/2025
34	Địa chỉ cũ tại số 03 đường Ngô Quốc Trị, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là số 03 đường Ngô Quốc Trị, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ)	2.957,80		788,00	6.820.086.000	5.508.246.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Tòa án nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 341/QĐ-TANDTC ngày 26/12/2025
35	Địa chỉ cũ tại đường Nguyễn Huệ, Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là đường Nguyễn Huệ, Khu vực Bình Thạnh B, phường Long Bình, thành phố Cần Thơ)	1.500,00		943,00	7.434.023.458	4.848.647.508	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Tòa án nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 341/QĐ-TANDTC ngày 26/12/2025

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
36	Địa chỉ cũ tại ấp Nhơn Thuận 1A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Thuận 1A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ)	5.000,00		1.820,00	4.552.023.458	1.966.647.508	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Tòa án nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 341/QĐ-TANDTC ngày 26/12/2025
37	Địa chỉ cũ số 195 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng (nay là 195 đường Hùng Vương, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ)	971,00		622,20	7.268.597.030	6.237.963.067	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
38	Địa chỉ cũ ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ)	750,00		568,00	3.787.620.885	3.133.322.173	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
39	Địa chỉ cũ ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 3, xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ)	963,00		401,50	3.212.765.000	1.460.160.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
40	Địa chỉ cũ số 24 đường 30/4, khóm III, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 24 đường 30/4, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ)	546,00		467,00	3.214.573.700	1.889.160.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
41	Địa chỉ cũ ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Phước Hòa B, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ)	1.000,00		395,00	2.855.076.000	2.064.484.034	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
42	Địa chỉ cũ số 15, Võ Văn Kiệt, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là số 15, đường Võ Văn Kiệt, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ)	4.987,00		2.618,00	38.505.681.000	26.104.322.937	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
43	Địa chỉ cũ ấp 4, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp 4, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ)	958,90		418,55	2.985.166.000	1.917.800.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
44	Địa chỉ cũ số 68, đường Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là số 68, Khu vực Bình Thạnh B, phường Long Bình, thành phố Cần Thơ)	1.000,00		650,00	3.702.610.000	1.901.293.800	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
45	Địa chỉ cũ số 05 đường Phạm Hùng, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (nay là số 05, đường Phạm Hùng, Khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ)	1.000,00		567,20	10.695.005.000	9.754.655.400	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
46	Địa chỉ cũ thị trấn Một ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Thuận, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ)	3.600,00		669,00	8.874.397.000	3.052.343.371	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
47	Địa chỉ cũ số 26, đường Lưu Hữu Phước, Khu vực 1, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (nay là số 12, Khu vực 4, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ)	576,00		289,00	5.162.479.000	4.435.200.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
48	Địa chỉ cũ số 420, Khu vực Long Thạnh 2, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là số 420, Khu vực Long Thạnh 2, phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ)	1.303,20		265,00	20.833.847.178	19.997.254.613	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
49	Địa chỉ cũ ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ)	2.183,00		953,70	8.644.341.000	3.547.360.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
50	Địa chỉ cũ ấp C1, xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ)	1.970,00		953,70	9.154.019.000	4.334.000.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 292/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025
II	Sở Tài chính								
1	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Răng (cũ), địa chỉ: số 01, đường số 06, khu dân Nông Thổ Sản II, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ	2.007,70		1.580,00	23.515.086.345	26.752.869.571	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tư pháp theo	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 3736/QĐ-BTP ngày 29/12/2025

* Đối với cơ sở nhà, đất tiếp nhận từ Cơ quan Trung ương, chi tiết danh mục tài sản tại các Quyết định chuyển giao tài sản về Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, xử lý

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHUYỂN GIAO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ VÀ KHAI THÁC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Lý do chuyển giao	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
I	TỔNG SỐ: 5								
1	UBND phường Cái Răng								
1.1	Địa chỉ: 99/2 Đường Võ Tánh, Phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại 99/2 Đường Võ Tánh, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ)	84,90		295,09	7.121.757.000	6.070.350.000	Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
2	UBND phường Thốt Nốt								
2.1	Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025 địa chỉ cũ tại Đường Nguyễn Công Trứ, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ)	60,00		171,60	1.121.087.000	686.400.000	UBND thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4464/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
3	UBND xã Vĩnh Thạnh								
3.1	Địa chỉ: ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (trước đây là: ấp Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cũ).	333,20			952.952.000	952.952.000	Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4394/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
3.2	Khu dân cư vượt lũ số 10, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Đất mượn		197,80			Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Tài chính	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 4368/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
4	UBND phường Ngã Bảy								
4.1	Đài khí tượng Thủy văn Nam Bộ (Cục Khí tượng Thủy văn), phường Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ	57,00					Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tiếp nhận từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy	Quyết định số 5983/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025

* Đối với cơ sở nhà, đất tiếp nhận từ Cơ quan Trung ương, chi tiết danh mục tài sản tại các Quyết định chuyển giao tài sản về Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, xử lý

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT TIẾP TỤC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ VÀ KHAI THÁC THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Stt	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Hiện trạng sử dụng	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý	Ghi chú
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
I	TỔNG SỐ: 4								
1	UBND phường Bình Thủy								
1.1	Hẻm 10 Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy	32,30			89.600.000	89.600.000	Diện tích đất nhỏ, không có nhu cầu sử dụng	UBND phường Bình Thủy	
1.2	Số 472 đường CMT8, khu vực 16, P. Bình Thủy	71,80	71,80	71,80	425.056.000	252.736.000	Một phần diện tích nằm trong dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7); không có nhu cầu sử dụng	UBND phường Bình Thủy	
1.3	Trường Tiểu học An Thới 1, Khu B, số 497 Trần Quang Diệu, P. Bình Thủy	445,70	271,00	271,00	3.920.678.000	3.846.304.000	Có quy mô nhỏ, dôi dư, không có nhu cầu sử dụng	UBND phường Bình Thủy	
1.4	Trường Tiểu học Bình Thủy, Khu B, đường Bùi Hữu Nghĩa, P. Bình Thủy	452,10	234,00	234,00	1.582.091.400	1.462.091.400	Có quy mô nhỏ, dôi dư, không có nhu cầu sử dụng	UBND phường Bình Thủy	